

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ HẠ NGUYỄN

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI
CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BÔNG MIÊU

Chuyên ngành: Kế toán
Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2011

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI**

Phản biện 1: **TS. HOÀNG TÙNG**

Phản biện 2 : **GS.TS. ĐẶNG THỊ LOAN**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đà Nẵng vào ngày 13 tháng 8 năm
2011

Có thể tìm luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Như chúng ta đã biết kiểm soát chi phí là một vấn đề quan tâm hàng đầu của nhà quản lý doanh nghiệp, bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít là chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những chi phí đã bỏ ra. Do đó, kiểm soát chi phí là vấn đề quan trọng và mang tính sống còn đối với doanh nghiệp.

Công ty khai thác vàng Bồng Miêu là công ty khai thác vàng lớn nhất nước và là công ty có vốn đầu tư nước ngoài, với một lực lượng cán bộ nhân công đông đảo và chi phí sản xuất phát sinh khá lớn. Hơn nữa sản phẩm của công ty là vàng, một sản phẩm khá đặc biệt, nhạy cảm vì nếu quản lý không chặt sẽ dễ bị mất cắp, ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty. Do đó, để Công ty hoạt động có hiệu quả thì việc kiểm soát tốt chi phí sẽ góp phần giúp Công ty bảo vệ mình trước các rủi ro và quan trọng là đảm bảo hoạt động của Công ty được bền vững.

Xuất phát từ thực tế đó, tác giả đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác Vàng Bồng Miêu”** làm đề tài tốt nghiệp thạc sĩ của mình.

2. Tổng quan về đề tài nghiên cứu

Trong các nghiên cứu trước đây đã có một số tác giả cũng đã nghiên cứu về công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp như: tác giả Huỳnh Thị Loan “Tăng cường kiểm soát chi phí sản xuất tại Tổng Công ty cổ phần dệt may Hòa Thọ”, Luận văn thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng; tác giả Nguyễn Thị Tuyết (Năm 2007) “Tăng cường công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại nhà máy đóng tàu Đà Nẵng”, Luận văn thạc sĩ, chuyên ngành kế toán, Đại học Đà Nẵng. Qua đó, tác giả nhận thấy rằng các nghiên cứu trên đều có chung mục tiêu đó là làm thế nào để kiểm soát chi phí sản xuất một cách hiệu quả nhất. Xuất phát từ thực tiễn đó, tác giả đi sâu vào nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty khai thác vàng Bồng Miêu”.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đánh giá thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty khai thác vàng Bồng Miêu.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: luận văn tập trung nghiên cứu về công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu.

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Kiểm soát quản lý chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử trong nghiên cứu. Các phương pháp cụ thể được sử dụng để khảo sát thực trạng kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu bao gồm phương pháp phỏng vấn và thu thập thông tin tài liệu, phương pháp điều tra, so sánh, tổng hợp...

6. Những đóng góp của luận văn

- Về mặt lý luận: Luận văn đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận về kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tiễn: Trên cơ sở nêu ra các tồn tại trong công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu, luận văn đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu.

Chương 3: Một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm và mục tiêu của KSNB

1.1.1.1. Khái niệm

1.1.1.2. Mục tiêu của kiểm soát nội bộ

1.1.2. Những hạn chế tiềm tàng của hệ thống KSNB

- Những hạn chế xuất phát từ bản thân con người
- Khả năng đánh lừa, lẩn tránh của nhân viên
- Hoạt động kiểm soát thường chỉ nhằm vào các nghiệp vụ thường xuyên phát sinh mà ít chú ý đến những nghiệp vụ không thường xuyên.
- Yêu cầu thường xuyên và trên hết của người quản lý là chi phí bỏ ra cho hoạt động kiểm soát phải nhỏ hơn giá trị thiệt hại ước tính do sai sót hay gian lận gây ra.
- Luôn có khả năng là các cá nhân có trách nhiệm kiểm soát đã lạm dụng quyền hạn của mình nhằm phục vụ cho mưu đồ riêng.
- Điều kiện hoạt động của đơn vị thay đổi nên dẫn tới những thủ tục kiểm soát không còn phù hợp...

1.1.3. Lợi ích của HTKSNB vững mạnh

Một hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh sẽ giúp đem lại các lợi ích sau cho đơn vị như sau: Đảm bảo tính chính xác của các số liệu kế toán và báo cáo tài chính; Giảm bớt rủi ro gian lận hoặc trộm cắp; Giảm bớt rủi ro sai sót không cố ý của nhân viên mà có thể gây tổn hại cho đơn vị; Giảm bớt rủi ro không tuân thủ chính sách và quy trình kinh doanh của đơn vị; và Ngăn chặn việc tiếp xúc những rủi ro không cần thiết do quản lý rủi ro chưa đầy đủ.

1.1.4. Các bước xây dựng HTKSNB

Quá trình xây dựng HTKSNB theo COSO phải gồm các bước sau:

- Xây dựng môi trường kiểm soát
- Đánh giá rủi ro
- Xây dựng các thủ tục kiểm soát
- Thông tin và truyền thông
- Giám sát

1.2. KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Khái niệm và phân loại chi phí SXKD trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Khái niệm về chi phí sản xuất

1.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh

- a. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động
- b. Phân loại theo cách ứng xử của chi phí

1.2.2. Những vấn đề cơ bản về kiểm soát chi phí sản xuất

1.2.2.1. Sự cần thiết phải kiểm soát chi phí sản xuất

Đối với nhà quản lý thì chi phí là mối quan tâm hàng đầu, bởi vì lợi nhuận thu được nhiều hay ít chịu ảnh hưởng trực tiếp của những chi phí đã chi ra. Do đó, kiểm soát chi phí sản xuất là vấn đề quan trọng và mang tính sống còn đối với doanh nghiệp.

1.2.2.2. Mục tiêu kiểm soát chi phí sản xuất

- Kiểm soát việc sử dụng tài sản trong doanh nghiệp để tránh tình hình sử dụng sai gây lãng phí tài sản doanh nghiệp.
- Giám sát chặt chẽ sổ sách, chứng từ kế toán để tránh trường hợp gian lận, biển thủ có thể xảy ra hay các khoản chi không hợp lý, chi không (chi phí mua hàng, chi phí tiền lương).
- Cắt giảm những khoản chi phí không cần thiết.

1.2.3. Thông tin kế toán phục vụ kiểm soát chi phí sản xuất

- a. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán
- b. Tổ chức sổ kế toán và hệ thống tài khoản kế toán
- c. Tổ chức hệ thống báo cáo về chi phí sản xuất

1.3. ĐẶC ĐIỂM KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG

1.3.1. Đặc điểm hoạt động khai thác vàng

Việc khai thác và tuyển quặng vàng phải dùng đến thuốc tuyển chứa Hg, ngoài ra, các nguyên tố kim loại nặng như asen, antimoan, các loại quặng sunfua, có thể rửa lũa hoà tan vào nước. Vì vậy, ô nhiễm hoá học do khai thác và tuyển quặng vàng là nguy cơ đáng lo ngại đối với nguồn nước sinh hoạt và nước nông nghiệp. Và một yếu tố cần phải cân nhắc kỹ khi tiến hành khai thác và chế biến khoáng sản, cụ thể là chế biến quặng vàng đó là vấn đề về môi trường. Quy trình chế biến vàng cần phải có nhiều hóa chất, đặc biệt là cyanua, một loại hóa chất cực độc và làm chết người với một hàm lượng rất nhỏ, do đó, công ty khai thác vàng luôn phải xử lý chất thải, làm giảm hàm lượng cyanua xuống mức thấp nhất có thể

để tránh gây ô nhiễm môi trường và chịu sự quản lý chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên của các cơ quan chức năng, Cục kiểm soát ô nhiễm, Tổng cục môi trường...

1.3.2. Đặc điểm kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty khai thác vàng

Kiểm soát chi phí sản xuất ở công ty khai thác vàng tập trung chủ yếu vào kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, tiền lương và các khoản trích theo lương và các chi phí chung liên quan đến hoạt động sản xuất của công ty.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là những chi phí nguyên vật liệu liên quan trực tiếp đến việc khai thác và chế biến vàng, ví dụ: thuốc nổ, dây cháy chậm dùng để khai thác quặng; Cyanua, Natri Hidrôxit, Axit Sunfurit,... dùng để chế biến quặng.

- Đối với chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm chi phí về tiền lương và các khoản phải trả khác, khoản trích theo lương.

- Những khoản chi phí không được tập hợp vào chi phí nguyên, nhiên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp thì được hạch toán vào chi phí sản xuất chung như chi phí điện, điện thoại, internet, thực phẩm, khấu hao TSCĐ, chi phí thí nghiệm...

1.3.3. Các thủ tục kiểm soát chi phí trong doanh nghiệp

1.3.3.1. Kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được thể hiện qua hai giai đoạn: giai đoạn mua nguyên vật liệu nhập kho và giai đoạn xuất kho nguyên vật liệu cho sản xuất.

• Kiểm soát quá trình mua nguyên vật liệu nhập kho

Muốn kiểm soát tốt quá trình mua NVL, cần có sự tham gia của các bộ phận liên quan trong việc kiểm tra, kiểm soát và quản lý như: bộ phận sản xuất, bộ phận nhà kho, bộ phận kế toán, bộ phận mua hàng và bộ phận xét duyệt.

Nhằm ngăn ngừa các hành vi gian lận và sai sót xảy ra trong quá trình mua NVL, các bộ phận trên phải độc lập với nhau. Bộ phận mua hàng không thể kiêm thủ kho, hay kế toán thanh toán thì không thể kiêm mua hàng và chọn nhà cung cấp....Ngoài ra, các chứng từ phát sinh trong quá trình mua NVL nhập kho phải có đủ chữ ký của các bên liên quan.

• *Kiểm soát quá trình xuất kho NVL*

Quá trình xuất kho NVL cho sản xuất cần có sự tham gia của các bộ phận sau: Bộ phận sản xuất, bộ phận kho, bộ phận kế toán và bộ phận xét duyệt.

Để kiểm soát tốt chi phí NVL trực tiếp, doanh nghiệp cần phải lập định mức và kế hoạch sản xuất vì định mức và kế hoạch sản xuất là cơ sở cho việc kiểm soát chi phí NVL trực tiếp. Ngoài ra, định kỳ phải so sánh số liệu thực tế với kế hoạch để phát hiện ra các biến động bất thường trong sản xuất, nhằm có hướng giải quyết kịp thời và hợp lý.

1.3.3.2. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ). Hàng tháng, bộ phận kế toán sẽ tổng hợp thời gian làm việc, đơn giá, hệ số lương của từng nhân viên lao động thực tế tại từng bộ phận để lên bảng tính lương. Đối với những doanh nghiệp có số lượng nhân viên đông đảo thì cần phân công phân nhiệm để làm giảm bớt các khả năng có thể xảy ra sai phạm hay gian lận tiền lương.

1.3.3.3. Kiểm soát chi phí sản xuất chung

Trong đơn vị sản xuất, chi phí sản xuất chung được tập hợp chung cho toàn bộ hoạt động sản xuất rồi phân bổ vào giá thành sản phẩm theo một tiêu thức nhất định. Kiểm soát chi phí sản xuất chung bao gồm kiểm soát các khâu phân bổ công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định tại các bộ phận, chi phí nguyên vật liệu và tiền lương gián tiếp tạo ra sản phẩm, chi phí điện...

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này, luận văn đã trình bày các vấn đề lý luận chung về kiểm soát chi phí và đặc điểm kiểm soát chi phí trong doanh nghiệp khai thác vàng. Cụ thể:

- Trình bày chung vấn đề chung về hệ thống KSNB, những hạn chế tiềm tàng của hệ thống KSNB cũng như các yếu tố cấu thành nên hệ thống KSNB.

- Trình bày về khái niệm chi phí cũng như các phân loại chi phí và mục đích của việc kiểm soát chi phí.

- Trình bày các thủ tục kiểm soát chi phí và kiểm soát chi phí trong môi trường máy tính.

- Luận văn cũng nghiên cứu đặc điểm của hoạt động khai thác vàng và đặc điểm kiểm soát chi phí của công ty khai thác vàng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BÔNG MIÊU

2.1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BÔNG MIÊU

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty Khai thác vàng Bông Miêu.

Ngày 5 tháng 3 năm 1991, Ủy Ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp giấy phép đầu tư số 140/GP cho phép thành lập Công ty khai thác vàng Bông Miêu (Bogomin) là công ty liên doanh hoạt động theo luật đầu tư nước ngoài, được phép khai thác vàng ở khu vực Bông Miêu. Công ty khai thác vàng Bông Miêu có 80% vốn nước ngoài (Công ty Olympus Pacific Minerals Corporation của Canada) - và 20% vốn trong nước (Công ty cổ phần Kỹ nghệ khoáng sản Quảng Nam và Công ty Phát triển khoáng sản).

2.1.2. Quy trình tổ chức sản xuất vàng tại Công ty Khai thác vàng Bông Miêu

2.1.2.1. Công nghệ khai thác

Hiện công ty đang khai thác quặng ở hai hình thức là khai thác quặng lộ thiên và khai thác quặng trong hầm lò.

2.1.2.2. Công nghệ tuyển quặng

Công nghệ tuyển quặng bao gồm hai khâu chính là tuyển trọng lực, tuyển nổi và ngâm chiết cyanua, điện phân tách vàng.

2.1.2.3. Xử lý nước thải

Toàn bộ thải quặng từ nhà máy được khử độc theo chu trình kín để làm giảm hàm lượng cyanua trong bã thải xuống dưới mức cho phép theo tiêu chuẩn Bộ Công nghiệp (giảm nồng độ cyanure xuống còn 0,005 phần triệu) trước khi đưa ra khu chứa thải.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty

2.1.3.1 Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty

2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng.

2.2 GIỚI THIỆU HỆ THỐNG KSNB CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BÔNG MIÊU

2.2.1. Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát tại Bông Miêu gồm các nhân tố thuộc về quy định, chính sách, nhân tố con người...có tác động đến hoạt động kiểm soát chi phí.

2.2.1.1. Triết lý quản lý và phong cách điều hành của lãnh đạo

Bông Miêu là công ty liên doanh giữa Canada và Việt Nam, do đó Bộ máy quản lý hành chính đều là nhân viên của OYM Việt Nam (Chi nhánh của OYM Canada). Do đó, phong cách quản lý điều hành đều mang tính chuyên nghiệp, dựa theo phong cách điều hành của OYM Canada.

Do phong cách quản lý chuyên nghiệp của các lãnh đạo người nước ngoài, nên rất nghiêm túc trong việc ban hành các qui định về giờ giấc làm việc, trách nhiệm công việc và luôn có sự luân chuyển nhân sự giữa các công ty liên doanh của OYM, Canada.

2.2.1.2. Chính sách nhân sự

Quy trình tuyển dụng nhân sự của công ty từ khâu tiếp nhận hồ sơ, phỏng vấn đến đào tạo rất chặt chẽ nên công ty luôn tuyển dụng được những nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp với tính chất công việc.

Công ty rất chú trọng đến năng lực và trình độ chuyên môn của nhân viên, nếu trong một thời gian làm việc không đáp ứng được yêu cầu công việc sẽ bị đào thải. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện cho nhân viên học thêm các nghiệp vụ hành chính để nâng cao trình độ.

2.2.1.3. Công tác lập kế hoạch

Hàng năm, công ty luôn xây dựng kế hoạch cho khai thác và sản xuất cho năm tiếp theo từ việc sản xuất bao nhiêu tấn quặng/ tháng, lượng nhân viên tham gia làm việc ở mỏ, nhân viên giám sát, bởi vì với mỗi sản lượng quặng khác nhau thì sẽ cần một lượng nhân viên khác nhau. Công ty cũng

lập dự toán cho nguyên vật liệu tham gia trong quá trình sản xuất, tổng chi phí khi sản xuất được 1 ounce vàng, lên kế hoạch làm việc cho từng tháng của 1 năm để tính số ngày nghỉ, số ngày sản xuất, số ngày làm ở mỏ, số ngày xay quặng, dự báo luôn giá vàng trên thị trường...

2.2.1.4. Bộ phận kiểm toán nội bộ

Hiện tại công ty chưa có bộ phận kiểm toán nội bộ.

2.2.1.5. Các nhân tố bên ngoài

Công ty khai thác vàng Bồng Miêu là một công ty liên doanh giữa Olympus Pacific Minerals Corporation, Canada với Công ty cổ phần Kỹ nghệ khoáng sản Quảng Nam và Công ty Phát triển khoáng sản Quảng Nam, do đó ngoài chịu sự quản lý của phía OYM Việt Nam, còn chịu sự quản lý và giám sát của OYM Canada, và các cơ quan chức năng của Tỉnh Quảng Nam như Cục Thuế tỉnh Quảng Nam, thanh tra về lao động, Sở kế hoạch và đầu tư, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam...

♣ Đánh giá chung về môi trường kiểm soát

Do hoạt động quản lý theo phong cách nước ngoài nên vừa chuyên nghiệp nhưng cũng vừa nguyên tắc, chính điều này đã gây áp lực cho các nhân viên.

Tuy nhiên, có một thực tế hiện nay là việc những công nhân cấu kết với nhau trong các khâu tinh luyện để ăn trộm vàng, mặc dù công ty đã cho giám sát các khâu này rất chặt chẽ, cả nhân viên giám sát, bảo vệ và camera, nhưng vẫn có một lượng vàng bị thất thoát ra ngoài.

2.2.2. Đánh giá rủi ro

2.2.2.1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hiện nay liên quan trực tiếp đến việc sử dụng một số loại nhiên liệu như xăng, dầu D.O và năng lượng điện nên khi giá nhiên liệu tăng sẽ làm tăng chi phí đầu vào của Công ty (chi phí nhiên liệu, cước phí vận chuyển đường bộ, đường biển đều tăng v.v...) trong khi giá bán sản phẩm xuất khẩu khó có khả năng tăng tương ứng, làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2.2.2.2. Rủi ro về luật pháp

Những thay đổi về chính sách khai thác sử dụng khoáng sản cũng như liên quan đến hoạt động bảo vệ tài nguyên môi trường cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.2.2.3. Rủi ro do đặc thù ngành

Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về các điều kiện địa chất mỏ nhằm mục đích giảm thiểu những rủi ro, tuy nhiên những nghiên cứu đánh giá này không thể lường trước hết được những biến động bất thường của tự nhiên về địa chất mỏ như: cấu tạo thân khoáng, chất lượng khoáng sản bị biến đổi phức tạp, v.v... có ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào của Công ty cũng như làm tăng chi phí khai thác, chế biến, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra những biến động của thời tiết như mưa gió, bão lụt, khô hạn cũng có thể gây ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

2.2.2.4. Rủi ro khác

Các hiện tượng thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo v.v... Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty.

2.2.3. Hệ thống kế toán

Hiện nay mô hình tổ chức công tác kế toán tại Bồng Miêu được thực hiện hoàn toàn trên hệ thống máy vi tính từ bộ phận thanh toán, bộ phận nhà kho, bộ phận mua hàng theo hệ thống nội bộ toàn công ty, như vậy sẽ rất dễ kiểm tra thông tin chi tiết. Công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Scala, do Malaysia cung cấp theo yêu cầu của công ty.

Các báo cáo tài chính nộp cho các cơ quan chức năng bằng tiếng Việt, theo hệ thống mẫu báo cáo tài chính do chế độ kế toán Việt Nam ban hành, giá trị tính bằng đôla Mĩ (USD)

Còn đối với những báo cáo tài chính nội bộ sẽ lập theo tiếng Anh, theo mẫu của đơn vị quản lý nước ngoài (Olympus Pacific Minerals, Canada).

2.2.3.1. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Hệ thống chứng từ kế toán ở Công ty được chia thành: Chứng từ gốc và Chứng từ ghi sổ

2.2.3.2. Hệ thống tài khoản

Hệ thống tài khoản kế toán hiện đang áp dụng tại công ty là do Giám đốc tài chính của Olympus Pacific Mineral Canada thiết lập dựa trên hệ thống kế toán Canada. Tùy theo mỗi tài khoản sẽ có một tài khoản kế toán Việt Nam tương xứng, giúp cho nhân viên phòng kế toán hiểu và dễ hạch toán.

Khi có sự thay đổi về hệ thống tài khoản thì Olympus Pacific Mineral Canada sẽ thông báo qua hệ thống, rồi bộ phận kế toán cập nhật để thay đổi cho phù hợp với tình hình chung.

2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BÔNG MIÊU

2.3.1. Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ cho kiểm soát chi phí sản xuất vàng

2.3.1.1. Tổ chức thông tin dự toán chi phí sản xuất tại Công ty

Công ty Khai thác vàng Bông Miêu là một trong những công ty liên doanh của công ty Olympus Pacific Minerals, Canada. Trước khi khai thác vàng ở mỏ Bông Miêu, công ty này đã khai thác nhiều mỏ vàng ở khu vực Đông Nam Á như Lào, Philippines, Malaysia. Do đó khi khai thác tại Bông Miêu, Công ty Bông Miêu dựa vào định mức của các dự án mà Olympus Pacific Minerals, Canada đã lập trước đây, và các kỹ sư chỉ linh động điều chỉnh lại chút ít cho phù hợp với hàm lượng vàng ở đây.

Công việc lập dự toán do nhân viên phòng Tài chính Kế Toán (người nước ngoài) cùng với bộ phận thăm dò và phòng luyện kim của bộ phận chế biến lập.

a. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Định mức về tiêu hao NVL được xây dựng dựa vào hàm lượng vàng của mẫu quặng và mức tiêu hao NVL cho một tấn quặng.

- Định mức về giá NVL: do bộ phận mua hàng khảo sát giá trên thị trường cung cấp.

b. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Xác định dựa vào số lượng quặng sản xuất trong tháng theo bảng kế hoạch và khai thác quặng ở ngoài hay bên trong hầm lò.

c. Dự toán chi phí sản xuất chung

Ngoài chi phí sản xuất phát sinh ở mỏ, thì những chi phí còn lại như chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê TSCĐ, lãi vay ngân hàng, chi phí tinh luyện vàng...nhưng chi phí này được tập hợp vào cuối kì và phân bổ cho số ounce vàng sản xuất được trong tháng.

2.3.1.2. Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện

Hệ thống thông tin thực hiện chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu chủ yếu là hệ thống thông tin kế toán. Hiện tại, Công ty hạch toán chi phí sản xuất theo từng dự án như dự án Hồ Gắn, Hồ Ráy, Núi Kẽm, Thác Trắng. Mỗi dự án khai thác tập hợp chi phí sản xuất theo từng bộ phận như sau:

- Mining Cost: Chi phí phát sinh ở hầm lò
- Processing Cost: Chi phí ở bộ phận chế biến
- Maintenance Cost: Chi phí bảo dưỡng máy móc, thiết bị
- Mine Overhead Cost: Chi phí sản xuất chung

Việc tập hợp chi phí sản xuất theo từng bộ phận của từng dự án như vậy sẽ giúp cho công tác kiểm soát chi phí sản xuất được kịp thời, rõ ràng, chính xác và tránh nhầm lẫn chi phí sản xuất của dự án này với dự án khác.

Tại mỗi bộ phận, chi phí sản xuất được tập hợp theo 4 khoản mục:

- Materials & Supplies: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Labor & Benefits (Labor Cost and other benefits): Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cho những công nhân trực tiếp sản xuất.

- Contract Labor (Labor-Contract, Rental-Equipment): Chi phí tiền lương và chi phí thuê máy móc, thiết bị của các đơn vị thuê khoán (vì công việc nổ mìn để khai quặng, đào xúc, vận chuyển quặng về nhà máy đều được công ty thuê khoán cho các công ty tư doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam).

- Other Expenses: Chi phí sản xuất chung gồm những chi phí như NVL và nhân công gián tiếp tham gia sản xuất, sửa chữa máy móc, trang thiết bị, chi phí bảo dưỡng máy móc định kì, chi phí tiền điện, điện thoại, chi phí bảo hiểm,...

Việc hạch toán chi phí sản xuất phát sinh tại các dự án khai thác như vậy chỉ phục vụ cho công tác kế toán tài chính của đơn vị chứ chưa phục vụ cho mục đích kiểm tra, kiểm soát chi phí phát sinh tại từng bộ phận. Vì vậy, ghi chép chỉ mang tính thống kê, sử dụng thước đo hiện vật nhiều hơn thước đo giá trị. Cụ thể: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung sẽ được tập hợp riêng theo từng hạng mục của từng bộ phận cho từng dự án. Cuối kỳ, dựa vào bảng tổng hợp số liệu chi phí phát sinh, kế toán lên bảng tổng hợp chi phí rồi tính giá thành thành phẩm.

2.3.2. Các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty khai thác vàng Bồng Miêu

2.3.2.1. Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí NVL trực tiếp cho hoạt động sản xuất vàng:

+ Đối với bộ phận mỏ thì NVL là thuốc nổ, dây cháy chậm, dầu DO, dầu FO, dây cáp...

+ Đối với bộ phận chế biến thì NVL là các loại hóa chất như Cyanua, Axit Sunfuric, Natri Hidrôxit, các loại bi sắt, Đồng Sunfat...

+ Đối với bộ phận bảo trì máy móc thì NVL là các loại dầu, mỡ, nhớt...

Việc kiểm soát NVL luôn hướng tới mục tiêu không chỉ là vấn đề tiết kiệm mà vấn đề quan trọng là đảm bảo hoạt động sản xuất được liên tục, an toàn, đúng qui định.

Kiểm soát NVL luôn gồm kiểm soát quá trình mua hàng và nhập kho NVL, kiểm soát quá trình xuất kho NVL.

a. Kiểm soát quá trình mua hàng và nhập kho

+ Mục tiêu kiểm soát:

Vật tư được mua đúng với nhu cầu sử dụng, khối lượng, chất lượng, quy cách, đúng chủng loại, giá cả đã được quy định trong kế hoạch mua sắm và hợp đồng kinh tế.

Theo dõi, thanh toán và ghi chép các khoản nợ nhà cung cấp kịp thời, chính xác số liệu thực tế phát sinh.

+ Quá trình kiểm soát được thể hiện như sau:

Trước năm kế hoạch, căn cứ vào kế hoạch sản xuất, bảo dưỡng...được các trường bộ phận ở nhà máy chế biến đưa lên cho Công ty ký duyệt như định mức tiêu hao NVL, nhu cầu NVL dự phòng cho sản xuất, phương án sửa chữa TSCĐ...trình cho các cấp có thẩm quyền ký duyệt.

Trên cơ sở kế hoạch vật tư do các bộ phận lập và trình công ty, Phòng mua hàng phối hợp với các phòng chức năng của Công ty tổ chức thẩm tra và tổng hợp để lập và trình Giám đốc ký duyệt kế hoạch mua sắm vật tư phục vụ cho quá trình khai thác và chế biến. Sau đó, căn cứ vào kế hoạch mua sắm, phòng mua hàng tiến hành mua sắm vật tư dùng cho sản xuất.

Việc tìm kiếm nguồn nguyên liệu do bộ phận mua hàng đảm nhiệm. Nhân viên trong bộ phận mua hàng sẽ liên hệ với nhà cung cấp và xin bảng báo giá về cho trường bộ phận mua hàng. Nếu số lượng mua nguyên vật liệu nằm trong khoản định mức thì trường bộ phận tự ký duyệt, nhưng số lượng mua lớn thì phải trình tổng giám đốc ký duyệt. Tất cả việc mua hàng đều được biểu hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

Ở bộ phận kho, khi hàng về thì tiến hành nhập kho căn cứ vào Phiếu xuất kho của nhà cung cấp và lập Phiếu nhập kho, nếu phát hiện thiếu thì nhân viên kho sẽ xác nhận với bên giao hàng của nhà cung cấp số lượng nhận thực tế.

Nhân viên ở bộ phận mua hàng sẽ vào phần mềm kiểm tra số hàng vật tư vừa nhập vào kho xem có phù hợp với hóa đơn không rồi tiến hành chuyển hóa đơn cho bộ phận kế toán thanh toán và lưu trữ chứng từ.

b. Kiểm soát quá trình xuất kho

+ Mục tiêu kiểm soát:

Vật tư xuất dùng đúng mục đích sử dụng, xuất đúng số lượng, chủng loại, quy cách trên phiếu xuất kho. Khối lượng vật tư xuất dùng phải phù hợp với kế hoạch sản xuất.

Việc ghi chép vật tư xuất dùng vào chi phí sản xuất phải chính xác, kịp thời.

+ Quy trình kiểm soát:

Nguyên vật liệu được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ.

Hằng ngày, căn cứ vào nhu cầu nguyên vật liệu, nhân viên của các bộ phận sẽ lập Phiếu yêu cầu có chữ ký của trưởng bộ phận chuyển đến kho để nhận NVL, tùy theo mỗi bộ phận mà số NVL này được tính theo căn cứ định mức (bộ phận chế biến) hay không định mức (bộ phận mỏ, bộ phận bảo trì máy móc, xử lý nước thải) và được nhận trực tiếp từ trưởng bộ phận kho, không thông qua bộ phận kế toán. Khi nhận, nhân viên phải ký tên vào Phiếu yêu cầu, phiếu này được lập thành 2 bản, 1 bản lưu ở cuốn tại mỗi bộ phận, 1 phiếu lưu ở kho và nhân viên kho sẽ hạch toán vào phần mềm kế toán.

Căn cứ Phiếu yêu cầu, thủ kho giao đúng vật tư trên phiếu yêu cầu cho người nhận, ghi số thực xuất, ngày tháng năm xuất và ký vào phiếu xuất. Sau đó, thủ kho ghi vào thẻ kho, định kì thủ kho giao phiếu xuất kho cho phòng mua hàng để phòng mua hàng theo dõi và đối chiếu với phần mềm kế toán.

Trong quá trình chế biến nếu NVL nào bị hao hụt thì trưởng bộ phận sẽ tiếp tục lập Phiếu yêu cầu xuất kho số NVL bị thiếu.

c. Kiểm kê NVL

Định kì, khoảng 2-3 tháng, nhân viên phòng kế toán kết hợp với nhân viên bộ phận mua hàng sẽ xuống kho kiểm kê vật tư, hàng hóa. Ngoài ra, trong một số trường hợp cần thiết, công ty sẽ tiến hành kiểm kê đột xuất để phục vụ cho những công việc cần thiết theo yêu cầu.

2.3.2.2. Kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Để kiểm soát chi phí nhân công, các tiêu chuẩn được đặt ra để đảm bảo tính chính xác cho việc đánh giá ngày, giờ công được dựa trên hình thức quẹt thẻ qua máy đối với nhân viên chính thức, còn đối với nhân viên hợp đồng hoặc làm theo ngày thì có nhân viên chấm công riêng và tính lương dựa vào bảng chấm công.

Hằng ngày, các giám sát sẽ chấm công lao động của bộ phận mình sau đó cuối tháng tổng hợp cho trưởng bộ phận ký duyệt và kế toán tiền lương sẽ tính lương. Riêng các công nhân làm theo ngày thì không có danh sách cố định nên việc kiểm soát ngày công của loại công nhân này không chặt chẽ.

Còn đối với các đơn vị thuê khoán làm các công việc như nổ mìn (để khai quặng ở mỏ lộ thiên), đào xúc – vận chuyển về nhà máy thì công ty trả lương theo hình thức khoán khối lượng công việc, căn cứ vào đơn giá định mức và khối lượng thực tế hoàn thành để thanh toán chi phí nhân công cho các đơn vị nhận khoán.

Việc giám sát năng suất lao động của các giám sát chỉ là cảm tính thông qua quan sát công nhân làm việc ở mỏ chứ chưa có sự tổng hợp, phân tích để giám sát và quản lý năng suất lao động. Chính vì vậy, việc kiểm soát năng suất lao động tại mỏ chưa chặt chẽ, không có căn cứ để điều chỉnh kịp thời năng suất lao động.

2.3.2.3. Kiểm soát về chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung ở công ty ngoài chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công gián tiếp đến hoạt động sản xuất thì có chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê tài chính TSCĐ, tiền điện, chi phí xử lý nước thải và bảo vệ môi trường, chi phí thuê vệ sĩ, quần áo bảo hộ lao động, chi phí trồng rừng và bảo vệ rừng (sau khi khai thác quặng lộ thiên thì trồng rừng lên khu rừng đó), chi phí bảo hiểm khi đem vàng bán ra nước ngoài (Thụy Sĩ),...

Đối với chi phí khấu hao TSCĐ, công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng và kế toán đã chạy bút toán định kỳ hằng tháng và phân bổ khấu hao TSCĐ theo số lượng ounce vàng sản xuất trong tháng.

Riêng với khoản chi phí Internet, OYM Việt Nam thuê riêng một đường truyền riêng và hằng tháng sẽ phân bổ lại cho Công ty Bồng Miêu.

Một số nhân viên hành chính được công ty trả tiền điện thoại di động thông qua bảng báo tiền cước hằng tháng như Tổng Giám đốc, Phó Tổng, các trưởng bộ phận, từ 28 -30 triệu đồng/ tháng, tiền điện thoại cố định gồm: văn phòng từ 18 – 20 triệu/tháng, nhà máy 12 – 13 triệu/tháng.

Chi phí tiền điện của Công ty rất lớn, từ 570 – 600 triệu đồng/ tháng, do phải vận hành các dây chuyền sản xuất và làm tăng ca ban đêm. Tất cả các chi phí này đều được kế toán tại Công ty chuyển chứng từ về cho Bộ phận kế toán tại Đà Nẵng thanh toán qua tài khoản ngân hàng.

2.4. ĐÁNH GIÁ CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BỒNG MIÊU

Do nhận thức được sự cần thiết của công tác kiểm soát CPSX, Công ty đã phân công, phân nhiệm và ủy quyền cho các cá nhân, bộ phận trong việc thực hiện kiểm soát CPSX không chồng chéo chức năng với nhau, có sự phối hợp, so sánh đối chiếu giữa các bộ phận, CPSX phát sinh ở bộ phận nào, bộ phận đó chịu trách nhiệm. Từ đó đảm bảo cho việc kiểm soát CPSX tại Công ty.

Công ty sử dụng phần mềm kế toán Scala nên hệ thống tài chính luôn cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho lãnh đạo Công ty khi cần thiết.

Tuy vậy, công tác kiểm soát CPSX tại Công ty vẫn tồn tại các nhược điểm sau:

- Toàn bộ việc mua hàng vật tư tại công ty đều do bộ phận mua hàng tự tìm nhà cung cấp, bảng báo giá và tự thỏa thuận giá với nhà cung cấp.

- Đối với những khoản chi phí phát sinh nhỏ lẻ và không thường xuyên như xăng, dầu thì nhân viên phòng kế toán ở công ty sẽ tự thỏa thuận giá và số lượng với nhà cung cấp, sau đó thanh toán và chuyên chứng từ về cho Kế toán trưởng.

- Thường khi hàng nhập về kho, nhân viên ở kho chỉ có trách nhiệm nhập kho mà không quan tâm đến chất lượng hàng vật tư mua về.

- Do bộ phận kế toán và bộ phận mua hàng ở xa Công ty, do đó công việc kiểm kê hàng tồn kho chỉ mang tính chất thủ tục và do số nguyên vật liệu quá nhiều, đa dạng nên cũng gây khó khăn trong công việc kiểm kê.

- Tuy ở mỗi bộ phận đều có nhân viên giám sát, nhưng thường thì chức vụ này do trưởng bộ phận hoặc phó bộ phận kiêm nhiệm, như vậy họ sẽ không kiểm soát được hết tình hình trong bộ phận của mình, dẫn đến nhân viên gian lận lấy cắp nguyên vật liệu đem ra ngoài bán làm tăng chi phí sản xuất.

- Công ty luôn dùng các hóa chất độc hại để chế biến vàng, mặc dù Công ty có riêng một bộ phận để xử lý chất thải và kiểm soát môi trường, tuy nhiên vẫn còn tình trạng xử lý chất thải chưa đúng tiêu chuẩn qui định.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Ở chương này, luận văn đã phản ánh được thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu và giới thiệu

tổng quan về Công ty như quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu tổ chức quản lý và hệ thống kế toán.

Luận văn đã khái quát được tình hình sản xuất kinh doanh cũng như tình hình kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty. Công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty được thể hiện qua việc phân loại chi phí sản xuất, thiết lập các thủ tục kiểm soát như kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, công tác lập dự toán chi phí sản xuất. Qua đó luận văn đánh giá được thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty, nhằm làm cơ sở để đưa ra những giải pháp tăng cường công tác kiểm chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN GÓP PHẦN HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BỒNG MIÊU

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BỒNG MIÊU

Công tác kiểm soát CPSX ở công ty vẫn chưa được quản lý chặt chẽ, còn nhiều bất cập cần phải khắc phục như toàn bộ việc mua hàng đều do bộ phận mua hàng tự tìm nhà cung cấp và tự thỏa thuận giá; những khoản chi phí phát sinh nhỏ lẻ, không thường xuyên do kế toán tại công ty tự thỏa thuận giá và số lượng với nhà cung cấp,...

Để phòng ngừa, hạn chế những sai phạm có thể xảy ra trong công tác kiểm soát CPSX; đạt được mục tiêu hiệu quả hoạt động thì hoàn thiện công tác kiểm soát CPSX tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu là vấn đề đang đặt ra.

3.2. HOÀN THIỆN CÁC THỦ TỤC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BỒNG MIÊU

3.2.1. Mục tiêu kiểm soát chi phí sản xuất của công ty

Là một doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu, nền tảng của sự phát triển của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh phải có hiệu quả - tăng

trường bền vững; do đó việc kiểm soát tốt chi phí sản xuất giúp Công ty đạt được các mục tiêu sau: Sử dụng hiệu quả các chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất vàng; Giúp Công ty hạn chế tối đa những sai phạm và kiểm tra, giám sát chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất, tránh gây lãng phí, đạt được mục tiêu lợi nhuận; Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và các quy định của Công ty về quản lý hạch toán chi phí sản xuất và doanh thu bán hàng; Bảo đảm việc thực hiện các chế độ pháp lý như các chế độ của Nhà nước về an toàn lao động, bảo vệ môi trường...

Tuy nhiên, hiện nay Công ty vẫn chưa thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Vì vậy, công ty đang chú trọng vào mục tiêu khai thác, chế biến vàng phải thân thiện với môi trường, cộng đồng khu vực dự án được hưởng lợi và các dự án khai thác của Công ty đều được lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;

3.2.2. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty

3.2.2.1. Hoàn thiện kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

Trong qui trình sản xuất vàng, chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 50% tổng chi phí sản xuất. Do đó, việc kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu sẽ giúp Công ty chi đúng, chi đủ, tránh việc gây lãng phí chi phí, góp phần kiểm soát tốt chi phí sản xuất. Vì vậy, để kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu cần phải kiểm soát các khâu như việc mua nguyên vật liệu, các thủ tục nhập xuất kho NVL và kiểm kê tồn kho.

a. Kiểm soát việc mua NVL

Thực trạng Công ty chưa kiểm soát tốt chất lượng và giá cả khi mua vật tư, vật tư được cung cấp bởi các khách hàng quen biết. Vì vậy, giải pháp mà luận văn đưa ra là phải có sự phê chuẩn về chất lượng và giá cả trước khi mua. Cụ thể:

Thủ tục kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu trước khi mua: Ban Giám đốc phê duyệt và triển khai kế hoạch mua hàng xuống phòng vật tư, từ đó Phòng vật tư xem xét những nhà cung cấp có chất lượng nguyên vật liệu tương xứng để lựa chọn nhà cung cấp theo các tiêu chí mà Công ty xây dựng.

Thủ tục kiểm soát giá nguyên vật liệu: Trước khi tiến hành mua nguyên vật liệu, trưởng bộ phận mua hàng phải xin bảng báo giá và các

điều kiện về bán hàng trình lên ban Giám đốc, được sự đồng ý của Ban giám đốc mới tiến hành mua hàng.

Ngoài ra, Công ty cũng nên chuyển đổi vị trí các nhân viên mua hàng để tránh tình trạng một người có quan hệ với một số nhà cung cấp nhất định trong thời gian dài.

b. Kiểm soát việc nhập kho NVL

Công ty cần phải yêu cầu nhân viên ở kho nên sử dụng loại cân thích hợp để đo lường giá trị và số lượng vật tư nhằm đảm bảo vật tư thực nhận đồng nhất với đơn đặt hàng. Đồng thời có thể kèm theo một nhân viên kiểm tra chất lượng hỗ trợ cho nhân viên kho nhận vật tư đúng quy cách chất lượng. Việc thừa hay thiếu vật tư cần được lập biên bản ngay và yêu cầu nhân viên giao hàng của nhà cung cấp ký tên để xử lý.

c. Kiểm soát quá trình xuất kho

Các kĩ sư phải tính đúng lượng NVL cần thiết sử dụng trong các giai đoạn chế biến thông qua bảng định mức, từ đó làm phiếu yêu cầu NVL, tránh trường hợp tính nhầm lượng NVL cần thiết rồi lập phiếu yêu cầu NVL cao hơn so với định mức.

Công ty nên thay thế phương pháp tính giá bình quân cả kì dự trữ bằng phương pháp nhập trước xuất trước.

d. Kiểm soát NVL tồn kho

- Kiểm kê định kì NVL tồn kho: NVL tồn kho cần được quản lý chặt chẽ và có kế hoạch kiểm kê định kì hoặc kiểm kê đột xuất theo yêu cầu của Tổng giám đốc, việc kiểm kê cần được kiểm soát chặt chẽ cả về lượng và về chất.

- Tính nhu cầu và đặt mua NVL cho sản xuất: Tính đúng định mức, đúng chủng loại, tính đúng nhu cầu và đặt mua NVL đúng thời điểm là rất quan trọng; Công ty nên dựa vào dự toán số lượng quặng khai thác trong từng tháng và căn cứ vào số liệu do phòng luyện kim đưa lên để Phòng mua hàng có kế hoạch đặt mua NVL hợp lý.

- Kiểm soát tiến độ nhận NVL: Cần thỏa thuận rõ ràng với nhà cung cấp để giao hàng đúng ngày, không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất. Theo dõi chặt ngày nhận NVL và giao NVL để bắt đầu triển khai sản xuất.

e. Chiết khấu thanh toán mua hàng

Công ty nên thanh toán đúng hạn theo ngày đến hạn thanh toán để hưởng chiết khấu thanh toán bằng cách lập báo cáo kiểm soát nhập hóa đơn. Theo dõi hạn thanh toán để đảm bảo chủ động trong thanh toán cho từng nhà cung cấp để hưởng các ưu đãi về chiết khấu thanh toán.

3.2.2.2. Hoàn thiện kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

Với một lực lượng công nhân đông đảo lại làm việc trong khu mỏ với diện tích rộng lớn, nên việc kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty vẫn chưa được chặt chẽ. Vì vậy, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện chi phí nhân công trực tiếp như sau:

Ban lãnh đạo kết hợp với bộ phận giám sát phải thường xuyên theo dõi về khối lượng thực hiện, chất lượng và kỹ thuật tay nghề của công nhân.

Kiểm soát chặt chẽ thời gian làm việc của công nhân bằng hệ thống thẻ từ, nghiêm cấm tình trạng người này quẹt thẻ thay cho người khác.

Việc chấm công sẽ được giao cho nhân viên giám sát và tổ trưởng tiến hành độc lập và song song nhau.

Để kiểm soát chặt chẽ thời gian làm việc và chất lượng công việc, Công ty nên bố trí thêm cán bộ kỹ thuật giám sát công việc của công nhân.

Các trưởng bộ phận phải kiểm soát được chất lượng công việc và kết hợp với các tổ trưởng bố trí công việc phù hợp với tay nghề (bậc thợ) của từng công nhân trong tổ.

3.2.2.3. Hoàn thiện kiểm soát chi phí sản xuất chung

a. Kiểm soát tình hình sử dụng máy móc thiết bị

Công ty nên lập báo cáo tình hình sử dụng máy móc thiết bị.

Lên kế hoạch bảo dưỡng máy móc theo định kì, cần tận dụng tối đa thời gian ngoài giờ làm việc để điều chỉnh máy móc; Công ty cần phải theo dõi và có kế hoạch mua sắm dự phòng các trang thiết bị.

b. Kiểm soát mức tiêu hao điện

Công ty nên có biện pháp tiết kiệm như tắt các công tắc điện, nước khi máy móc ngừng hoạt động; có biện pháp khen thưởng hoặc phạt đối với hành vi tiết kiệm hoặc lãng phí điện.

c. Kiểm soát chi phí xử lý nước thải

- Công ty phải thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo tác động môi trường đã được phê duyệt; phải niêm yết công khai các loại chất thải, công nghệ xử lý, thông số tiêu chuẩn về chất thải, các giải pháp bảo vệ môi trường như quy định.

- Xây dựng các trạm quan trắc khí, phương án xử lý bụi trong quá trình chế biến luyện tuyển quặng, xử lý hóa chất,... Phải thường xuyên gia cố hệ thống đập nước, kiểm tra các đường ống dẫn chất Cyanua theo định kì và phải có kế hoạch bảo dưỡng đập nước, đường ống.

- Tuyển thêm kĩ sư xử lý nước thải

d. Kiểm soát chi phí khác

Công ty cũng nên chú ý đến việc trồng rừng lại cho khu mỏ sau khi khai thác quặng để khi có mưa lũ xảy ra, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty và giúp cho Công ty bớt đi một khoản chi phí.

3.3. CÁC GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT TẠI CÔNG TY KHAI THÁC VÀNG BÔNG MIÊU

3.3.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý tại công ty

Công ty nên có chính sách tổ chức những buổi dã ngoại để mọi nhân viên cùng tham gia, trao đổi để thân thiện thêm và hoàn thành công việc được tốt hơn.

Giám đốc điều hành nên cho phép các trưởng bộ phận có thêm quyền hạn nhắc nhở hay báo lên cấp trên nếu bắt gặp những nhân viên thuộc bộ phận khác sai phạm.

Luân chuyển vệ sĩ và công nhân trong phòng vàng và Công ty nên lắp đặt thêm hệ thống Camera.

Công ty nên tuyển dụng hoặc đề cử những cá nhân khác có kinh nghiệm thành lập Ban kiểm soát và đồng thời đặt Ban kiểm soát dưới Hội Đồng Quản trị nhằm đảm bảo tính khách quan, độc lập.

3.3.2. Hoàn thiện chính sách nhân sự tại công ty

- Tuyển dụng nhân viên: Công ty cần tuyển chọn, bổ sung nhân viên trẻ, có đủ tiêu chuẩn mà Công ty đề ra.

- Đào tạo và đào tạo lại nhân viên: Công ty nên tiến hành phân loại đội ngũ nhân viên, có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhân viên. Bằng

nhiều hình thức tiến hành đào tạo và đào tạo lại đội ngũ nhân viên để đáp ứng yêu cầu của Công ty và đủ năng lực, trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu công việc.

3.3.3. Hoàn thiện công tác kế hoạch tại Công ty

Thực tế công việc này cũng chỉ mang tính hình thức chứ không mang tính định hướng như bản chất của kế hoạch. Do đó, đối với công tác lập kế hoạch, Công ty cần khắc phục điểm yếu sau:

+ Về công tác lập kế hoạch:

- Thay vì lên kế hoạch sản xuất cho một năm đối với từng dự án thì công ty lên kế hoạch sản xuất cho từng quý

- Với nhiều dự án khai thác cùng lúc, Công ty nên tuyển thêm hoặc luân chuyển nhân sự để lên kế hoạch sản xuất tốt hơn.

+ Về công tác kiểm soát việc thực hiện kế hoạch:

Công ty nên theo dõi trữ lượng quặng khai thác trong từng tháng; tìm hiểu nguyên nhân vì sao không thực hiện đúng kế hoạch đề ra để có biện pháp xử lý phù hợp.

3.3.4. Thành lập phòng kiểm toán nội bộ

Từ trước đến nay việc kiểm toán nội bộ của Bông Miêu do Bộ phận kiểm toán nội bộ của OYM Việt Nam đảm nhận. Vì vậy, với quy mô sản xuất nhiều dự án cùng một lúc và chi phí sản xuất phát sinh lớn, Công ty nên thành lập một bộ phận kiểm toán nội bộ thực hiện việc giám sát và kiểm tra đánh giá thường xuyên toàn bộ hoạt động tài chính – kế toán của Công ty và tập trung kiểm soát nội bộ về chi phí sản xuất kinh doanh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ thực trạng kiểm soát chi phí sản xuất tại công ty Khai thác vàng Bông Miêu, kết hợp với cơ sở lý luận về kiểm soát chi phí, Chương 3 của Luận văn đã đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí tại Công ty, bao gồm: Các giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát, các giải pháp hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí như chi phí NVL trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung và kiểm soát tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất nhằm giúp Công ty có thể kiểm soát chặt chẽ hơn các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các vấn đề về bảo vệ môi trường.

KẾT LUẬN

Xu thế hội nhập nền kinh tế quốc tế tất yếu dẫn đến mức độ cạnh tranh trên thương trường càng gay gắt hơn. Do vậy, để doanh nghiệp tồn tại và phát triển thì vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý là phải nhanh nhạy với các biến động trên thị trường, phải quản lý được chi phí sản xuất, từ đó tăng cường kiểm soát quản lý chi phí sản xuất nhằm đạt được mục tiêu hiệu quả hoạt động giúp cho các nhà quản lý có cơ sở đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác, kịp thời; đạt được lợi nhuận mong muốn để doanh nghiệp tồn tại và phát triển.

Kiểm soát chi phí sản xuất là vấn đề quan trọng hàng đầu của quản lý chi phí. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã giải quyết được các nội dung sau:

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp, cụ thể là tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu, làm tiền đề cho việc đánh giá thực trạng và tìm ra các giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu.

Luận văn phản ánh thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu bao gồm: Môi trường kiểm soát, Hệ thống kế toán, Tổ chức thông tin phục vụ cho kiểm soát chi phí sản xuất và các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất. Phân tích chỉ ra những mặt hạn chế cần hoàn thiện về kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu.

Từ đó xác định một số phương pháp góp phần hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu nhằm hạn chế việc sử dụng lãng phí chi phí hay chi sai mục đích để đạt được mục tiêu lợi nhuận mang lại hiệu quả hoạt động cho Công ty.

Hy vọng rằng, qua luận văn này, nghiên cứu của tác giả có thể góp phần nhỏ bé nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Khai thác vàng Bồng Miêu trong thời gian tới.